

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 693/2022/DS-PT

Ngày: 24/11/2022

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Bà Phạm Hồng Loan

**Các Thẩm phán:** Bà Nguyễn Thị Huyền

Bà Nguyễn Thị Lan Hương

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Nguyễn Thanh Hồng – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Tào Minh Quân – Kiểm sát viên.

Ngày 24/11/2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 291/2022/TLPT-DS ngày 03/10/2022 về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 242/2022/DS-ST ngày 10/6/2022 của Tòa án nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 5768/2022/QĐPT-DS ngày 14/11/2022, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Ông Nhâm Gia B, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Số 10/10 đường Đ, Phường L, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

**Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:** Bà Hồ Thị Thủy P, sinh năm 1999 hoặc ông Phan Thanh H, sinh năm 1967 (Ông H có mặt, bà P vắng mặt);

Cùng địa chỉ liên lạc: Số 16 đường Q, Phường S, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.

Là đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số công chứng 06337 ngày 30/3/2022 do Phòng công chứng H, Thành phố Hồ Chí Minh chứng nhận).

2. **Bị đơn:** Bà Nguyễn Thị Thúy D, sinh năm 1988 (Có mặt).

Địa chỉ: Số 102 đường T, phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. **Người kháng cáo:** Bị đơn bà Nguyễn Thị Thúy D.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo bản án sơ thẩm thể hiện nội dung vụ án như sau:

*Theo đơn khởi kiện đề ngày 30/3/2022 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nhâm Gia B do bà Hồ Thị Thúy P là người đại diện theo ủy quyền trình bày:* Ngày 05/5/2020, bà Nguyễn Thị Thúy D có mượn của ông B số tiền là 250.000.000 đồng hẹn đến cuối năm 2020 sẽ hoàn trả toàn bộ số tiền trên nhưng bà D đã không thực hiện đúng như thỏa thuận. Nhằm tạo điều kiện cho bà D trả được nợ, ngày 13/01/2021, hai bên làm lại “Giấy mượn tiền” xác định số tiền bà D vay của ông B là 250.000.000 đồng và vào ngày 15 dương lịch hàng tháng bà D trả cho ông B là 20.000.000 đồng. Tuy nhiên, bà D chỉ trả được 01 tháng rồi ngưng. Nay ông B yêu cầu Tòa án buộc bà D trả ngay cho ông B số tiền còn thiếu là 230.000.000 đồng. Ông B không đồng ý phương án của bà D xin trả góp mỗi tháng 5.000.000 đồng/tháng.

*Bị đơn bà Nguyễn Thị Thúy D trình bày:* Bà thừa nhận còn thiếu ông B 230.000.000 đồng nhưng do hoàn cảnh kinh tế khó khăn không thể trả hết số tiền thiếu cho ông B ngay được. Bà đề nghị ông B tạo điều kiện cho bà trả dần mỗi tháng là 5.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

*Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 242/2022/DS-ST ngày 10/6/2022 của Tòa án nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên xử:*

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nhâm Gia B.

Buộc bà Nguyễn Thị Thúy D phải trả ngay cho ông Nhâm Gia B số tiền còn nợ là 230.000.000 (Hai trăm ba mươi triệu) đồng.

Ghi nhận sự tự nguyện của ông Nhâm Gia B không yêu cầu bà Nguyễn Thị Thúy D phải trả tiền lãi do chậm trả tính đến ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực và ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả thêm tiền lãi theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo, quyền và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự.

Ngày 06/07/2022, bị đơn bà Nguyễn Thị Thúy D có đơn kháng cáo cho rằng Tòa án đã xét xử vắng mặt của bà trong khi bà chỉ có đơn yêu cầu vắng mặt tại các phiên hòa giải, tiếp cận công khai chứng cứ. Ngoài ra, bà D yêu cầu Tòa án xem xét cho bà trả góp cho ông B mỗi tháng 5.000.000 đồng cho đến khi hết số nợ 230.000.000 đồng.

***Tại phiên tòa phúc thẩm:***

*Nguyên đơn ông Nhâm Gia B do ông Phan Thanh H là người đại diện theo ủy quyền trình bày:* Nguyên đơn vẫn giữ nguyên ý kiến như đã trình bày và đề nghị Hội đồng xét xử y án sơ thẩm.

*Bị đơn bà Nguyễn Thị Thúy D trình bày:* Bà xác định còn thiếu ông B số tiền là 230.000.000 đồng. Do hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên mong muốn nguyên đơn tạo điều kiện cho bị đơn trả nợ bằng cách trả góp 5.000.000 đồng/tháng.

*Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:*

Về tố tụng: Tòa cấp phúc thẩm đã thực hiện đúng trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật. Các đương sự cũng được thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung: Có căn cứ xác định bị đơn nợ của nguyên đơn 230.000.000 đồng. Bị đơn yêu cầu được trả góp nhưng nguyên đơn không đồng ý nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào lời trình bày của các đương sự phù hợp với chứng cứ khác là “Giấy mượn tiền” đề ngày 13/01/2021 có ký tên bà Nguyễn Thị Thúy D có cơ sở xác định bà D có nợ ông B số tiền là 250.000.000 (Hai trăm năm mươi triệu) đồng. Theo thỏa thuận của các bên, số nợ trên được bà D trả góp trong vòng 14 tháng, trả vào ngày 15 dương lịch mỗi tháng. Tuy nhiên, bà D chỉ trả được cho ông B 01 tháng rồi ngưng. Quá trình giải quyết vụ án, bà D cũng xác nhận số nợ cũng như xác nhận chỉ trả được cho ông B một lần vào ngày 18/02/2021 với số tiền là 20.000.000 đồng. Do đó, Bản án sơ thẩm buộc bà D trả cho ông B số nợ còn thiếu là 230.000.000 đồng là có căn cứ. Việc bà D kháng cáo xin được trả dần số nợ trên bằng cách mỗi tháng trả 5.000.000 đồng là kéo dài thời gian trả nợ, không đúng quy định của pháp luật và ông B cũng không đồng ý nên không có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bà D, chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Án phí dân sự sơ thẩm: Bà D phải chịu án phí trên số tiền phải trả cho ông B.

Án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của bà D không được Tòa án chấp nhận nên bà D phải chịu án phí phúc thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 147, 148, Điều 308 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ Điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự

Căn cứ Điều 26, Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Thúy D.

Tuyên xử: Giữ nguyên bản án sơ thẩm

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nhâm Gia B.

Buộc bà Nguyễn Thị Thúy D phải trả ngay cho ông Nhâm Gia B số tiền còn nợ là 230.000.000 (Hai trăm ba mươi triệu) đồng.

Ghi nhận sự tự nguyện của ông Nhâm Gia B không yêu cầu bà Nguyễn Thị Thúy D phải trả tiền lãi do chậm trả tính đến ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực và ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả thêm tiền lãi theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Thúy D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 11.500.000 (Mười một triệu năm trăm ngàn) đồng.

Hoàn lại cho ông Nhâm Gia B số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.750.000 (Năm triệu bảy trăm năm mươi ngàn) đồng theo Biên lai thu số AA/2021/0033885 ngày 20/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị Thúy D phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm mà bà D đã nộp là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng theo Biên lai thu số AA/2021/0034495 ngày 06/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi

hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Huyền   Nguyễn Thị Lan Hương**

**Phạm Hồng Loan**